

I. Quy định chung

- (1). Thời gian làm bài thi: 90 phút (Không tính thời gian phát đề)
- (2). Phạm vi kiến thức:
 - Lớp 10, 11: Kỹ năng bảng số liệu, biểu đồ.
 - Lớp 12: Bao gồm các phần:
 - + Địa lí tự nhiên Việt Nam
 - + Địa lí dân cư Việt Nam
 - + Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam
 - + Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam (gồm: Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc; Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng)
 - + Kỹ năng bảng số liệu, biểu đồ.
- (3). Hình thức bài thi: Trắc nghiệm 100%
- (4). Mức độ nhận thức trong đề thi: Nhận biết 10%; Thông hiểu 35%; Vận dụng 55%
- (5). Các câu trong đề thi không trùng với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.

II. Cấu trúc đề thi

(1). Đề thi gồm 3 Phần I, II, III theo 3 dạng thức trắc nghiệm:

- Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn, cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.
- Phần II gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai; mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn Đúng hoặc Sai.
- Phần III gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu hỏi có 01 lệnh hỏi và kết quả mỗi lệnh có tối đa 4 chữ số.

(2). Bảng quy định cho từng phần

Phần	Dạng thức trắc nghiệm	Số câu/ý hỏi chia theo mức độ nhận thức			Tổng
		Biết	Hiểu	Vận dụng	
I	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	4	12	20	36
II	Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai	1	3	4	08
III	Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn	0	2	4	06

III. Cách thức tính điểm

- (1). Phần I (4,5 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 36. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,125 điểm.

(2). Phần II (4,0 điểm):

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,05 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,125 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm.

(3). Phần III (1,5 điểm): Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Tổng điểm tối đa toàn bài: 10,0 điểm.

IV. Bảng nội dung và mức độ tư duy (B: Biết; H: Hiểu; VD: Vận dụng)

TT	Mạch kiến thức	Nội dung	Số câu Phần I			Số câu Phần II			Số câu Phần III		
			B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD
1	Lớp 10,11	- Kỹ năng bảng số liệu, biểu đồ								1	1
2	Lớp 12:										
2.1	Địa lí tự nhiên Việt Nam	- Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống - Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên - Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	1	2	5		1	1			
2.2	Địa lí dân cư Việt Nam	- Dân số - Lao động và việc làm - Đô thị hoá	1	1	3						
2.3	Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam	- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế - Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản - Vấn đề phát triển công nghiệp - Vấn đề phát triển dịch vụ	1	6	8	1		1			
2.4	Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam	- Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc - Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	1	3	4		1	1			
2.5	Kỹ năng bảng số liệu, biểu đồ						1	1		1	3
Tổng số ý hỏi			4	12	20	1 (4)	3 (12)	4 (16)	0	2	4

TT	Mạch kiến thức	Nội dung	Số câu Phần I			Số câu Phần II			Số câu Phần III		
			B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD
Điểm			0,5	1,5	2,5	0,5	1,5	2,0	0,0	0,5	1,0